

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA LẠI HÈ 2022

MÔN: HÓA HỌC LỚP 11

I. ANKAN

Câu 1. Ở điều kiện thường hydrocarbon nào sau đây ở thể lỏng?

- A. C₄H₁₀. B. C₂H₆. C. C₃H₈. D. C₅H₁₂.

Câu 2. (QG.15): Khí thiên nhiên được dùng làm nhiên liệu và nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất điện, sứ, đạm, ancol metylic,... Thành phần chính của khí thiên nhiên là metan. Công thức phân tử của metan là

- A. CH₄. B. C₂H₄. C. C₂H₂. D. C₆H₆.

Câu 3. (QG.19 - 201). Hiện nay, nhiều nơi ở nông thôn đang sử dụng hầm biogas để xử lí chất thải trong chăn nuôi gia súc, cung cấp nhiên liệu cho việc đun nấu. Chất dễ cháy trong khí biogas là

- A. Cl₂. B. CH₄. C. CO₂. D. N₂.

Câu 4. Các ankan **không** tham gia loại phản ứng nào?

- A. Phản ứng thế. B. Phản ứng cộng. C. Phản ứng tách. D. Phản ứng cháy.

Câu 5. Có bao nhiêu đồng phân cấu tạo có công thức phân tử là C₆H₁₄ ?

- A. 3 đồng phân. B. 4 đồng phân. C. 5 đồng phân. D. 6 đồng phân.

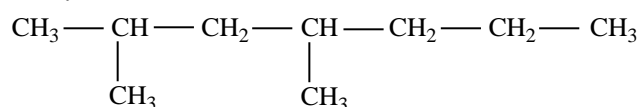
Câu 6. (A.13): Tên thay thế (theo IUPAC) của (CH₃)₃C-CH₂-CH(CH₃)₂ là

- A. 2,2,4,4-tetrametylbutan. B. 2,4,4-trimetylpentan.
C. 2,2,4-trimetylpentan. D. 2,4,4,4-tetrametylbutan.

Câu 7. (A.13): Khi được chiếu sáng, hydrocarbon nào sau đây tham gia phản ứng thế với clo theo tỉ lệ mol 1: 1, thu được ba dẫn xuất monoclo là đồng phân cấu tạo của nhau?

- A. neopentan. B. pentan. C. butan. D. isopentan.

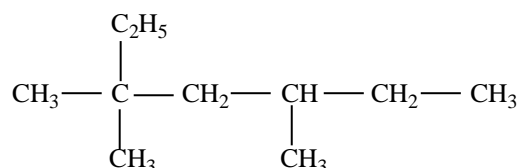
Câu 8. Ankan X có công thức cấu tạo như sau:



Tên của X là

- A. 1,1,3-trimetylheptan. B. 2,4-đimetylheptan.
C. 2-metyl-4-propylpentan. D. 4,6-đimetylheptan.

Câu 9. Ankan X có công thức cấu tạo như sau:



Tên gọi của X là

- A. 2-metyl-2,4-đietylhexan. B. 2,4-đietyl-2-metylhexan.
C. 3,3,5-trimetylheptan. D. 3-etyl-5,5-đimetylheptan.

Câu 10. (A.08): Cho isopentan tác dụng với Cl₂ theo tỉ lệ số mol 1: 1, số sản phẩm monoclo tối đa thu được là

- A. 5. B. 4. C. 3. D. 2.

Câu 11. (B.12): Cho phương trình hóa học: $2X + 2\text{NaOH} \xrightarrow{\text{CaO}, t^\circ} 2\text{CH}_4 + \text{K}_2\text{CO}_3 + \text{Na}_2\text{CO}_3$

Chất X là

- A. CH₂(COOK)₂. B. CH₂(COONa)₂. C. CH₃COOK. D. CH₃COONa.

Câu 12. Isohexan tác dụng với clo (có chiếu sáng) có thể tạo tối đa bao nhiêu dẫn xuất monoclo ?

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 13. Dãy ankan nào sau đây thỏa mãn điều kiện: mỗi công thức phân tử có một đồng phân khi tác dụng với clo theo tỉ lệ mol 1: 1 tạo ra 1 dẫn xuất monocloankan duy nhất?

A. CH₄, C₃H₈, C₄H₁₀, C₆H₁₄.

B. CH₄, C₂H₆, C₅H₁₂, C₈H₁₈.

C. CH₄, C₄H₁₀, C₅H₁₂, C₆H₁₄.

D. CH₄, C₂H₆, C₅H₁₂, C₄H₁₀.

Câu 14. (C.14): Hidrocacbon X tác dụng với brom, thu được dẫn xuất monobrom duy nhất có tỉ khối hơi so với H₂ bằng 75,5. Chất X là

A. 2,2-đimetylpropan

B. pentan

C. 2-metylbutan

D. but-1-en

Câu 15. (C.07): Khi cho ankan X (trong phân tử có phần trăm khối lượng cacbon bằng 83,72%) tác dụng với clo theo tỉ lệ số mol 1:1 (trong điều kiện chiếu sáng) chỉ thu được 2 dẫn xuất monoclo đồng phân của nhau. Tên của X là

A. butan.

B. 2,3-đimetylbutan.

C. 3-metylpentan.

D. 2-metylpropan.

Câu 16. (C.08): Đốt cháy hoàn toàn một hidrocacbon X thu được 0,11 mol CO₂ và 0,132 mol H₂O. Khi X tác dụng với khí clo (theo tỉ lệ số mol 1:1) thu được một sản phẩm hữu cơ duy nhất. Tên gọi của X là

A. 2-metylbutan.

B. etan.

C. 2,2-đimetylpropan.

D. 2-metylpropan.

Câu 17. (C.12): Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp X gồm hai hidrocacbon kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng, thu được 2,24 lít khí CO₂ (đktc) và 3,24 gam H₂O. Hai hidrocacbon trong X là

A. C₂H₂ và C₃H₄.

B. C₂H₄ và C₃H₆.

C. CH₄ và C₂H₆

D. C₂H₆ và C₃H₈

II. HIDROCACBON KHÔNG NO

Câu 1. (MH.15). Ankin là những hidrocacbon không no, mạch hở, có công thức chung là

A. C_nH_{2n+2} (n ≥ 1).

B. C_nH_{2n} (n ≥ 2).

C. C_nH_{2n-2} (n ≥ 2).

D. C_nH_{2n-6} (n ≥ 6).

Câu 2. (QG.18 - 204): Sục khí axetilen vào dung dịch AgNO₃ trong NH₃ thu được kết tủa màu

A. vàng nhạt.

B. trắng.

C. đen.

D. xanh.

Câu 3. (QG.18 - 203): Chất nào sau đây không làm mất màu dung dịch Br₂?

A. Axetilen.

B. Propilen.

C. Etilen.

D. Metan.

Câu 4. (QG.18 - 202): Ở điều kiện thường, chất nào sau đây làm mất màu dung dịch Br₂?

A. benzen.

B. etilen.

C. metan.

D. butan.

Câu 5. (QG.16): Trước những năm 50 của thế kỷ XX, công nghiệp tổng hợp hữu cơ dựa trên nguyên liệu chính là axetilen. Ngày nay, nhờ sự phát triển vượt bậc của công nghệ khai thác và chế biến dầu mỏ, etilen trở thành nguyên liệu rẻ tiền, tiện lợi hơn nhiều so với axetilen. Công thức phân tử của etilen là

A. C₂H₄.

B. C₂H₆.

C. CH₄.

D. C₂H₂.

Câu 6. (C.11): Chất nào sau đây có đồng phân hình học?

A. CH₂=CH-CH=CH₂

B. CH₃-CH=CH-CH=CH₂

C. CH₃-CH=C(CH₃)₂

D. CH₂=CH-CH₂-CH₃

Câu 7. (B.14): Trùng hợp hidrocacbon nào sau đây tạo ra polime dùng để sản xuất cao su buna?

A. 2-metylbuta-1,3-đien.

B. Penta-1,3-đien.

C. But-2-en.

D. Buta-1,3-đien.

Câu 8. (A.14): Chất X có công thức: CH₃-CH(CH₃)-CH=CH₂. Tên thay thế của X là

A. 3-metylbut-1-in.

B. 3-metylbut-1-en.

C. 2-metylbut-3-en.

D. 2-metylbut-3-in.

Câu 9. (C.13): Số đồng phân cấu tạo, mạch hở ứng với công thức phân tử C₄H₆ là

A. 2.

B. 5.

C. 4.

D. 3.

Câu 10. (A.07): Hidrat hóa 2 anken chỉ tạo thành 2 ancol. Hai anken đó là

A. eten và but-2-en.

B. 2-metylpropan và but-1-en.

C. propen và but-2-en.

D. eten và but-1-en.

Câu 11. (B.14): Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol hỗn hợp X gồm một ankan và một anken, thu được 0,35 mol CO₂ và 0,4 mol H₂O. Phần trăm số mol của anken trong X là

- A. 40%. B. 50%. C. 25%. D. 75%.

Câu 12. (A.08): Cho các chất sau: $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{CH}=\text{CH}_2$, $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}=\text{CH}-\text{CH}_2-\text{CH}_3$, $\text{CH}_3-\text{C}(\text{CH}_3)=\text{CH}-\text{CH}_3$, $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_2-\text{CH}=\text{CH}_2$. Số chất có đồng phân hình học là

- A.4. B. 1. C.2. D.3.

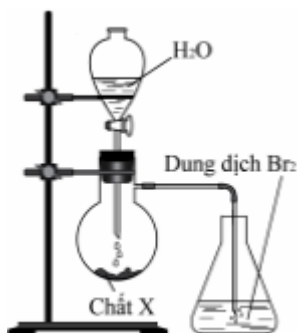
Câu 13. (B.13): Cho 3,36 lít khí hidrocarbon X (đktc) phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , thu được 36 gam kết tủa. Công thức phân tử của X là

- A. C_4H_4 . B. C_3H_4 . C. C_4H_6 . D. C_2H_2 .

Câu 14. (C.08): Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp M gồm một ankan X và một ankin Y, thu được số mol CO_2 bằng số mol H_2O . Thành phần phần trăm về số mol của X và Y trong hỗn hợp M lần lượt là:

- A. 75% và 25%. B. 20% và 80%. C. 35% và 65%. D. 50% và 50%.

Câu 15. (QG.18 - 204): Thực hiện thí nghiệm như hình vẽ bên. Kết thúc thí nghiệm, dung dịch Br_2 bị mất màu.



Chất X là

- A. CaC_2 . B. Na. C. Al_4C_3 . D. CaO.

III. HIĐROCACBON THƠM

Câu 1. Gốc $\text{C}_6\text{H}_5-\text{CH}_2-$ và gốc C_6H_5- có tên gọi lần lượt là:

- A. phenyl và benzyl. B. vinyl và anlyl. C. anlyl và Vinyl. D. benzyl và phenyl.

Câu 2. $(\text{CH}_3)_2\text{CHC}_6\text{H}_5$ có tên gọi là

- A. propylbenzen. B. n-propylbenzen. C. iso-propylbenzen. D. đimetylbenzen.

Câu 3. (C.II): Chất X tác dụng với benzen (xt, t^0) tạo thành etylbenzen. Chất X là

- A. CH_4 . B. C_2H_2 . C. C_2H_4 . D. C_2H_6 .

Câu 4. (C.14): Số hidrocarbon là đồng phân cấu tạo của nhau, chứa vòng benzen, có cùng công thức phân tử C_8H_{10} là

- A. 4. B. 2. C. 5. D. 3.

Câu 5. Chất nào sau đây **không** thể chứa vòng benzen?

- A. C_8H_{10} . B. C_6H_8 . C. C_8H_8 . D. C_9H_{12} .

Câu 6. Cho sơ đồ phản ứng: $1 \text{ mol Toluen} + 1 \text{ mol Cl}_2 \xrightarrow{as} \text{A} + \text{HCl}$. A là

- A. $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_2\text{Cl}$. B. $p\text{-ClC}_6\text{H}_4\text{CH}_3$. C. $o\text{-ClC}_6\text{H}_4\text{CH}_3$. D. $m\text{-ClC}_6\text{H}_4\text{CH}_3$.

Câu 7. Thuốc nổ TNT được điều chế trực tiếp từ chất nào?

- A. benzen. B. metylbenzen. C. vinylbenzen. D. p-xilen.

Câu 8. Toluen **không** phản ứng với chất nào sau đây?

- A. Dung dịch Br_2 . B. KMnO_4/t^0 . C. $\text{HNO}_3/\text{H}_2\text{SO}_4$ đặc. D. $\text{H}_2/\text{Ni}, t^0$.

Câu 9. (C.11): Sản phẩm chủ yếu trong hỗn hợp thu được khi cho toluen phản ứng với brom theo tỉ lệ số mol 1:1 (có mặt bột sắt) là

- A. o-bromtoluen và p-bromtoluen B. benzyl bromua
C. p-bromtoluen và m-bromtoluen D. o-bromtoluen và m-bromtoluen

Câu 10. Khi trên vòng benzen có sẵn nhóm thế -X, thì nhóm thứ hai sẽ ưu tiên thế vào vị trí o- và p-. Vậy -X là những nhóm thế nào?

A. $-C_nH_{2n+1}$, -OH, $-NH_2$.

B. $-OCH_3$, $-NH_2$, $-NO_2$.

C. $-CH_3$, $-NH_2$, $-COOH$

D. $-NO_2$, $-COOH$, $-SO_3H$.

Câu 11. Lượng clobenzen thu được khi cho 15,6 gam C_6H_6 tác dụng hết với Cl_2 (xúc tác bột Fe) với hiệu suất phản ứng đạt 80% là

A. 14 gam.

B. 16 gam.

C. 18 gam.

D. 20 gam.

Câu 12. Nếu phân biệt các hidrocarbon thơm: benzen, toluen và stiren chỉ bằng một thuốc thử thì nên chọn thuốc thử nào dưới đây?

A. dung dịch $KMnO_4$.

B. dung dịch Br_2 .

C. dung dịch HCl.

D. dung dịch NaOH.

Câu 13. Đốt cháy hoàn toàn m gam một ankylobenzen (X) thu được 0,35 mol CO_2 và 0,2 mol H_2O . Giá trị m và công thức phân tử của X lần lượt là:

A. 4,6 và C_7H_8 .

B. 4,6 và C_8H_8 .

C. 4,4 và C_8H_8 .

D. 4,4 và C_7H_8 .

Câu 14. Cho dãy các chất: cumen, stiren, isopren, axetilen, benzen. Số chất trong dãy làm mất màu dung dịch brom là

A. 5.

B. 4.

C. 2.

D. 3.

Câu 15. Xét phản ứng: $C_6H_5CH_3 + KMnO_4 \xrightarrow{t^o} C_6H_5COOK + MnO_2 \downarrow + KOH + H_2O$.

Tổng hệ số các chất trong phương trình trên là

A. 10.

B. 9.

C. 12.

D. 8.

Câu 16. Cho các chất sau: metan (1); etilen (2); axetilen (3); benzen (4); stiren (5); toluen (6). Các chất có khả năng làm mất màu dung dịch $KMnO_4$ ở điều kiện thích hợp là:

A. 2, 3, 5, 6.

B. 3, 4, 5, 6.

C. 2, 3, 4, 5.

D. 1, 3, 4, 5, 6.

Câu 17. (B.11): Cho các phát biểu sau:

(a) Khi đốt cháy hoàn toàn một hidrocarbon X bất kì, nếu thu được số mol CO_2 bằng số mol H_2O thì X là anken.

(b) Trong thành phần hợp chất hữu cơ nhất thiết phải có cacbon.

(c) Liên kết hóa học chủ yếu trong hợp chất hữu cơ là liên kết cộng hóa trị.

(d) Những hợp chất hữu cơ khác nhau có cùng phân tử khối là đồng phân của nhau.

(e) Phản ứng hữu cơ thường xảy ra nhanh và không theo một hướng nhất định

(g) Hợp chất $C_9H_{14}BrCl$ có vòng benzen trong phân tử

Số phát biểu đúng là

A. 4

B. 3

C. 2

D. 5

Câu 18. Cho 13 gam hỗn hợp gồm benzen và stiren làm mất màu vừa đủ dung dịch chứa 8 gam brom. Tỷ lệ mol benzen và stiren trong hỗn hợp ban đầu là

A. 1: 1.

B. 1: 2.

C. 2: 1.

D. 2: 3.

Câu 19. Đốt cháy hết 9,18 gam 2 đồng đẳng kế tiếp thuộc dãy của benzen A, B thu được H_2O và 30,36 gam CO_2 . Công thức phân tử của A và B lần lượt là:

A. C_6H_6 ; C_7H_8 .

B. C_8H_{10} ; C_9H_{12} .

C. C_7H_8 ; C_9H_{12} .

D. C_9H_{12} ; $C_{10}H_{14}$.

IV. ANCOL – PHENOL

Câu 1. (QG.18 - 202): Chất nào sau đây thuộc loại ancol no, đơn chức, mạch hở?

A. HCHO.

B. $C_2H_4(OH)_2$.

C. $CH_2=CHCH_2OH$.

D. C_2H_5OH .

Câu 2. (QG.16): Etanol là chất có tác động đến thần kinh trung ương. Khi hàm lượng etanol trong máu tăng cao sẽ có hiện tượng nôn, mất tinh táo và có thể dẫn đến tử vong. Tên gọi khác của etanol là

A. phenol.

B. ancol etylic.

C. etanal.

D. axit fomic.

Câu 3. (A.13): Ứng với công thức phân tử $C_4H_{10}O$ có bao nhiêu ancol là đồng phân cấu tạo của nhau?

- A. 4. B. 3. C. 2. D. 5.

Câu 4. (C.08): Khi đun nóng hỗn hợp ancol gồm CH_3OH và C_2H_5OH (xúc tác H_2SO_4 đặc, ở $140^\circ C$) thì số ete thu được tối đa là

- A. 4. B. 2. C. 1. D. 3.

Câu 5. (MH.18). Cho vài giọt nước brom vào dung dịch phenol, lắc nhẹ thấy xuất hiện

- A. kết tủa trắng. B. kết tủa đỏ nâu. C. bọt khí. D. dung dịch màu xanh.

Câu 6. (B.12): Có bao nhiêu chất chứa vòng benzen có cùng công thức phân tử C_7H_8O ?

- A. 3. B. 5. C. 6. D. 4.

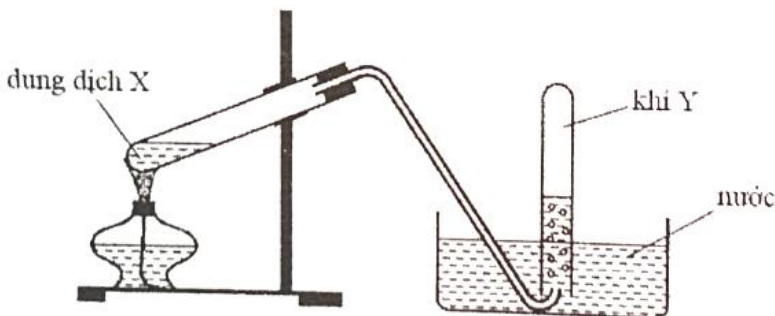
Câu 7. (A.08): Khi tách nước từ ancol 3-metylbutan-2-ol, sản phẩm chính thu được là

- A. 3-metylbut-2-en. B. 3-metylbut-1-en. C. 2-metylbut-2-en. D. 2-metylbut-3-en.

Câu 8. (C.14): Phát biểu nào sau đây là **sai** khi nói về phenol (C_6H_5OH)?

- A. Dung dịch phenol không làm đổi màu quỳ tím
B. Phenol tác dụng với nước brom tạo kết tủa
C. Phenol thuộc loại ancol thơm, đơn chức
D. Phenol ít tan trong nước lạnh nhưng tan nhiều trong nước nóng

Câu 9. (A.14): Cho hình vẽ mô tả thí nghiệm điều chế khí Y từ dung dịch X:



Hình vẽ trên minh họa phản ứng nào sau đây?

- A. $NH_4Cl + NaOH \xrightarrow{t^\circ} NaCl + NH_3 + H_2O$.
B. $NaCl(\text{rắn}) + H_2SO_4(\text{đặc}) \xrightarrow{t^\circ} NaHSO_4 + HCl$.
C. $C_2H_5OH \xrightarrow{t^\circ} C_2H_4 + H_2O$.
D. $CH_3COONa(\text{rắn}) + NaOH(\text{rắn}) \xrightarrow{t^\circ} Na_2CO_3 + CH_4$.

Câu 10. (B.09): Cho các hợp chất sau:

- (a) $HOCH_2-CH_2OH$ (b) $HOCH_2-CH_2-CH_2OH$
(c) $HOCH_2-CH(OH)-CH_2OH$ (d) $CH_3-CH(OH)-CH_2OH$
(e) CH_3-CH_2OH (f) $CH_3-O-CH_2CH_3$

Các chất đều tác dụng được với Na , $Cu(OH)_2$ là:

- A. (c), (d), (f) B. (a), (b), (c) C. (a), (c), (d) D. (c), (d), (e)

Câu 11. (B.12): Cho dãy chuyển hóa sau: $CaC_2 \xrightarrow{+H_2O} X \xrightarrow[\text{Pd/PbCO}_3, t^\circ]{+H_2} Y \xrightarrow[\text{H}_2\text{SO}_4, t^\circ]{+H_2O} Z$

Tên gọi của X và Z lần lượt là:

- A. axetilen và ancol etylic. B. axetilen và etylen glicol.
C. etan và etanal D. etilen và ancol etylic.

Câu 12. (MH.15). Cho dãy các dung dịch sau: $NaOH$, $NaHCO_3$, HCl , $NaNO_3$, Br_2 . Số dung dịch trong dãy phản ứng được với phenol là

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 1.

Câu 13. (A.14): Ancol X no, mạch hở, có không quá 3 nguyên tử cacbon trong phân tử. Biết X không tác dụng với $Cu(OH)_2$ ở điều kiện thường. Số công thức cấu tạo bền phù hợp với X là

- A. 4. B. 2. C. 3. D. 5.

Câu 14. (C.11): Cho m gam hỗn hợp X gồm phenol và etanol phản ứng hoàn toàn với natri (dư), thu được 2,24 lít khí H_2 (đktc). Mặt khác, để phản ứng hoàn toàn với m gam X cần 100 ml dung dịch NaOH 1M. Giá trị của m là

- A. 7,0 B. 14,0 C. 10,5 D. 21,0

Câu 15. (A.07): Cho 15,6 gam hỗn hợp hai ancol đơn chức, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng tác dụng hết với 9,2 gam Na, thu được 24,5 gam chất rắn. Hai ancol đó là:

- A. C_3H_5OH và C_4H_7OH . B. C_3H_7OH và C_4H_9OH .
C. CH_3OH và C_2H_5OH . D. C_2H_5OH và C_3H_7OH .

Câu 16. (B.08): Đun nóng một ancol đơn chức X với dung dịch H_2SO_4 đặc trong điều kiện nhiệt độ thích hợp sinh ra chất hữu cơ Y, tỉ khối hơi của X so với Y là 1,6428. Công thức phân tử của Y là

- A. C_3H_8O . B. C_2H_6O . C. CH_4O . D. C_4H_8O .

Câu 17. (A.12): Cho các phát biểu sau về phenol (C_6H_5OH):

- (a) Phenol tan nhiều trong nước lạnh.
(b) Phenol có tính axit nhưng dung dịch phenol trong nước không làm đổi màu quỳ tím.
(c) Phenol được dùng để sản xuất phẩm nhuộm, chất diệt nấm mốc.
(d) Nguyên tử H của vòng benzen trong phenol dễ bị thay thế hơn nguyên tử H trong benzen.
(e) Cho nước brom vào dung dịch phenol thấy xuất hiện kết tủa.

Số phát biểu đúng là

- A. 4. B. 2. C. 5. D. 3.

Câu 18. (A.10): Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp 3 ancol đơn chức, thuộc cùng dãy đồng đẳng, thu được 3,808 lít khí CO_2 (đktc) và 5,4 gam H_2O . Giá trị của m là

- A. 5,42. B. 5,72. C. 4,72. D. 7,42.

V. ANĐEHIT – AXIT CACBOXYLIC

Câu 1. (QG.18 - 204): Tên gọi của hợp chất CH_3CHO là

- A. anđehit fomic. B. axit axetic. C. anđehit axetic. D. etanol.

Câu 2. (QG.18 - 203): Tên gọi của hợp chất CH_3COOH là

- A. axit fomic. B. ancol etylic. C. anđehit axetic. D. axit axetic.

Câu 3. (QG.15): Trong các chất sau đây, chất nào có nhiệt độ sôi cao nhất?

- A. CH_3CHO . B. CH_3CH_3 . C. CH_3COOH . D. CH_3CH_2OH .

Câu 4. (QG.16): Axit fomic có trong nọc kiến. Khi bị kiến cắn, nên chọn chất nào sau đây bôi vào vết thương để giảm sưng tấy?

- A. Vôi tôi. B. Muối ăn. C. Giấm ăn. D. Nước.

Câu 5. (A.13): Khối lượng Ag thu được khi cho 0,1 mol CH_3CHO phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , đun nóng là

- A. 21,6 gam. B. 43,2 gam. C. 16,2 gam. D. 10,8 gam.

Câu 6. (A.10): Cho m gam hỗn hợp etanal và propanal phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , thu được 43,2 gam kết tủa và dung dịch chứa 17,5 gam muối amoni của hai axit hữu cơ. Giá trị của m là

- A. 9,5. B. 10,9. C. 14,3. D. 10,2.

Câu 7. (QG.19 - 203). Cho 1 ml dung dịch $AgNO_3$ 1% vào ống nghiệm sạch, lắc nhẹ, sau đó nhỏ từ từ từng giọt dung dịch NH_3 2M cho đến khi kết tủa sinh ra bị hòa tan hết. Nhỏ tiếp 3-5 giọt dung dịch chất X, đun nóng nhẹ hỗn hợp ở khoảng 60 – 70 °C trong vài phút, trên thành ống nghiệm xuất hiện lớp bạc sáng. Chất X là

- A. axit axetic. B. anđehit fomic. C. glixerol. D. ancol etylic.

Câu 8. (QG.19 - 204). Rót 1 – 2 ml dung dịch chất X đậm đặc vào ống nghiệm đựng 1 – 2 ml dung dịch $NaHCO_3$. Đưa que diêm đang cháy vào miệng ống nghiệm thì que diêm tắt. Chất X là

A. ancol etylic.

B. anđehit axetic.

C. axit axetic.

D. phenol (C₆H₅OH).

Câu 9. (C.14): Cho các chất: HCHO, CH₃CHO, HCOOH, C₂H₂. Số chất có phản ứng tráng bạc là

A. 1

B. 3

C. 2

D. 4

Câu 10. (C.09): Quá trình nào sau đây **không** tạo ra anđehit axetic?

A. CH₂=CH₂ + H₂O (t^o, xúc tác HgSO₄)

B. CH₂=CH₂ + O₂ (t^o, xúc tác)

C. CH₃-CH₂OH + CuO (t^o)

D. CH₃-COOCH=CH₂ + dung dịch NaOH (t^o)

Câu 11. (B.14): Anđehit axetic thể hiện tính oxi hoá trong phản ứng nào sau đây?

A. CH₃CHO + H₂ $\xrightarrow{\text{Ni, t}^o}$ CH₃CH₂OH

B. 2CH₃CHO + 5O₂ $\xrightarrow{\text{t}^o}$ 4CO₂ + 4H₂O

C. CH₃CHO + Br₂ + H₂O \longrightarrow CH₃COOH + 2HBr

D. CH₃CHO + 2AgNO₃ + 3NH₃ + H₂O \longrightarrow CH₃COONH₄ + 2NH₄NO₃ + 2Ag

Câu 12. (A.11): Đốt cháy hoàn toàn anđehit X, thu được thể tích khí CO₂ bằng thể tích hơi nước (trong cùng điều kiện nhiệt độ, áp suất). Khi cho 0,01 mol X tác dụng với một lượng dư dung dịch AgNO₃ trong NH₃ thì thu được 0,04 mol Ag. X là

A. anđehit axetic.

B. anđehit fomic.

C. anđehit no, mạch hở, hai chức.

D. anđehit không no, mạch hở, hai chức.

Câu 13. (C.09): Cho các chất HCl (X); C₂H₅OH (Y); CH₃COOH (Z); C₆H₅OH (phenol) (T). Dãy gồm các chất được sắp xếp theo tính axit tăng dần (từ trái sang phải) là:

A. (X), (Z), (T), (Y)

B. (Y), (T), (Z), (X)

C. (Y), (T), (X), (Z)

D. (T), (Y), (X), (Z)

Câu 14. (A.13): Dung dịch axit axetic phản ứng được với tất cả các chất trong dãy nào sau đây?

A. NaOH, Cu, NaCl.

B. Na, NaCl, CuO.

C. NaOH, Na, CaCO₃.

D. Na, CuO, HCl.

Câu 15. (MH.15). Một số axit cacboxylic như axit oxalic, axit taccric... gây ra vị chua cho quả sấu xanh. Trong quá trình làm món sấu ngâm đường, người ta sử dụng dung dịch nào sau đây để làm giảm vị chua của quả sấu?

A. Nước vôi trong.

B. Giấm ăn.

C. Phèn chua.

D. Muối ăn.

Câu 16. (C.13): Cho hỗn hợp gồm 0,05 mol HCHO và 0,02 mol HCOOH vào lượng dư dung dịch AgNO₃ trong NH₃, đun nóng. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được m gam Ag. Giá trị của m là

A. 15,12.

B. 21,60.

C. 25,92.

D. 30,24.

Câu 17. (B.11): Cho các phát biểu sau:

(a) Anđehit vừa có tính oxi hóa vừa có tính khử.

(b) Phenol tham gia phản ứng thế brom khó hơn benzen.

(c) Anđehit tác dụng với H₂ (dư) có xúc tác Ni đun nóng, thu được ancol bậc một.

(d) Dung dịch axit axetic tác dụng được với Cu(OH)₂.

(e) Dung dịch phenol trong nước làm quỳ tím hóa đỏ.

(f) Phương pháp lên men giấm là phương pháp truyền thống sản xuất axit axetic.

Số phát biểu đúng là

A. 5

B. 4

C. 3

D. 2